

Bản án số: 388/2022/HS-PT

Ngày: 26/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Tuấn;
Ông Phạm Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh C, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2021/TLPT-HS ngày 04/01/2021 đối với bị cáo Lương Văn S bị xét xử sơ thẩm về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2020/HS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

*** Bị cáo có kháng cáo:** **Lương Văn S**, sinh ngày 13/3/1980 tại tỉnh C; giới tính: Nam; ĐKNKTT và cư trú tại xóm K, xã N, huyện T, tỉnh C; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; con ông Ngô Lương C1 (đã chết) và bà Triệu Thị N1, sinh năm 1938; vợ: Triệu Thị T1, sinh năm 1982; có 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2020 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

- Ông Tạ Đức T2 - Luật sư thuộc Công ty Luật Hợp Danh T3 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Lê Huy Q - Luật sư thuộc Công ty Luật Hợp Danh T3 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Lương Minh T4, sinh năm 1947. Trú tại: K, N, T, C. Vắng mặt

- Trần Xuân T5, sinh ngày 08/10/1991. Trú tại: Xóm B, N, T, C. Vắng mặt
- Triệu Thị T6, sinh ngày 21/11/1982. Trú tại: K, N, T, C. Vắng mặt

** Người chứng kiến:*

- Hoàng Văn M. Sinh ngày 02/12/1976. Trú tại: Thị trấn T, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt

- Hoàng Văn H, sinh ngày 03/8/1975. Trú tại: K, N, T, C. Vắng mặt
- Hoàng Văn L, sinh ngày 07/10/1984. Trú tại: Xóm B, N, T, C. Vắng mặt
- Hoàng Thị H1 - Phó chủ tịch xã N; vắng mặt.

** Điều tra viên được triệu tập đến phiên tòa:*

- Ông Đào Ngọc T7 – Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C. Có mặt.
- Ông Chu Văn H2 – Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C. Có mặt.
- Ông Phạm Ngọc H3 – Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C. Có mặt.

** Cán bộ biên phòng được triệu tập đến phiên tòa:*

- Lương Văn T7, sinh ngày 02/3/1981. Trú tại: Đồn Biên phòng T10, H4, C. Có mặt

- Ma Thế T8, sinh ngày 07/7/1986. Trú tại: Đồn Biên phòng C2, B1, C. Có mặt

- Lương Văn T9, sinh ngày 18/6/1979. Trú tại: Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh L1. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/3/2012 qua tin báo tố giác tội phạm, Chỉ huy đồn biên phòng N đã phân công Tổ công tác gồm các ông Lương Văn T7, Ma Thế T9 và Lương Văn T9 tiến hành tuần tra kiểm soát tại khu vực đường mòn biên giới Việt - Trung thuộc địa phận núi P1, xóm K, xã N, huyện T, tỉnh C. Khoảng 16h00' cùng ngày, Tổ công tác phát hiện Lương Văn S đi từ hướng K lên hướng biên giới sang Trung Quốc. Khi bị Tổ công tác yêu cầu đứng lại để kiểm tra hành chính, S đã cởi chiếc áo khoác màu đen và 01 chiếc áo phông màu trắng vứt xuống đất rồi bỏ chạy. Các ông T7, Thuận đã lao đến vật lộn với S và cùng nhau bị lăn xuống triền đồi dốc cách chỗ vật lộn khoảng 10m. Vào thời điểm này, ông Lương Minh T4 (cùng xóm với S) là người đang chăn bò gần đó nghe tiếng động nên chạy đến gần chỗ vật lộn thì nghe ông T7 nói “chúng tôi đang làm nhiệm vụ, yêu cầu ông ra khỏi hiện trường”, cùng lúc đó S nói tiếng Tày với nội dung “*ông ké ơi trong túi áo vứt đi*”. Khi ông T9 đến cầm chiếc áo phông của S lên thì ông liền chạy đến chỗ S đã cởi áo ban đầu, thấy ông T9 cầm chiếc áo phông của S, ông T8 chạy đến yêu cầu ông T9 bỏ chiếc áo xuống vị trí cũ. Do chỉ còn một mình ông T7 không khống chế nổi nên S đã vùng thoát ra bỏ chạy thì bị ông T9

tiếp tục truy đuổi theo. S chạy đến đường nhựa ngồi lên xe máy của một người đàn ông điều khiển chạy theo hướng Đ2, T, C.

Tang vật thu giữ được: 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông màu trắng mặt sau có dòng chữ Cao đẳng công nghệ T11 - Khoa kế toán & QTKD; 01 chiếc áo khoác màu đen, trong túi bên trái có 01 gói nilon màu đen bên trong có 01 gói nilon màu trắng chứa nhiều cục chất rắn màu trắng nghi là heroin. Số tang vật trên được cho vào 01 phong bì niêm phong lại, mặt trước ghi tang vật vụ án Lương Văn S thu giữ ngày 22/3/2012, mặt sau có chữ ký của những người tham gia niêm phong, 04 góc phong bì có đóng dấu Đoàn biên phòng N.

Mở phong bì có 01 gói ni nilon màu đen bên trong có 01 gói nilon màu trắng chứa nhiều cục chất rắn màu trắng nghi là heroin. Tiến hành cân điện tử xác định trọng lượng tịnh là 80,59gam cho vào một phong bì niêm phong lại, mặt trước ghi tang vật vụ án Lương Văn S bắt ngày 22/3/2012, mặt sau có chữ ký của những người tham gia niêm phong, 04 góc phong bì có đóng dấu của Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Ngày 04/5/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C và các cơ quan chức năng tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và ra quyết định trưng cầu giám định vật chứng. Kết quả vật chứng thu được 01 gói nilon màu đen bên trong chứa chất bột màu trắng có khối lượng 80,85 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 77 ngày 16/5/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận: Mẫu vật gửi giám định vụ Lương Văn S, bắt ngày 22/3/2012 là Heroin.

Tại Bản kết luận giám định số 1226/C54(P7) ngày 30/5/2012 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm Bộ Công an kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định là Heroin, hàm lượng 40,2%.

Quá trình điều tra Lương Văn S khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 22/3/2012 khi đang đi lên núi P1, K, N, T, C để đi chăn bò thì bị Bộ đội Biên phòng - Đoàn Biên phòng N yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Do nghiện ma túy, sợ bị bắt đi cai nghiện bắt buộc nên S không chấp hành và bỏ chạy. Trong quá trình vật lộn không thấy ông T9 ở hiện trường, số Heroin trong chiếc áo khoác màu đen S bỏ lại hiện trường không phải của bị cáo.

Đến ngày 06/6/2020 Lương Văn S từ Trung Quốc về Việt Nam theo đường mòn thì bị lực lượng chức năng bắt theo quyết định truy nã. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đề S nhận dạng đồ vật bỏ lại hiện trường, kết quả S thừa nhận hai chiếc áo bỏ lại hiện trường ngày 22/3/2012 là của Lương Văn S.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2020/HS-ST ngày 24/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh C đã tuyên bị cáo Lương Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất

ma túy”. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lương Văn S 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 06/6/2020. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2020, bị cáo Lương Văn S có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lương Văn S khai về hành vi của mình đúng như nội dung các Biên bản ghi lời khai, Biên bản đối chất, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản nhận dạng đồ vật bị cáo tham gia được phản ánh trong hồ sơ. Cụ thể: Khoảng 16h00 ngày 22/3/2012 S đi bộ từ dưới chân lên núi P1 hướng về biên giới và có bị 2 cán bộ biên phòng yêu cầu đứng lại để kiểm tra người nhưng S vùng bỏ chạy. Trong khi vật lộn để chạy thoát, hai chiếc áo S mặc bị tuột ra rơi xuống đất cùng chiếc điện thoại, bị cáo xác nhận là 02 chiếc áo để lại hiện trường khi bỏ chạy là của bị cáo. Bị cáo cho rằng gói ma túy không phải của bị cáo và không biết gói ma túy của ai. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn S, có quan điểm như sau:

+ Về thu thập chứng cứ của vụ án được thu thập khách quan, phù hợp pháp luật. Khi bắt quả tang đã tiến hành khám xét đầy đủ, kiểm tra hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường, phản ánh được tình trạng hiện trường của vụ án cũng như lập biên bản bắt người phạm pháp quả tang, liệt kê vật chứng thu giữ. Trưng cầu giám định và có kết luận giám định về chất ma túy cũng như về trọng lượng, phản ánh được nguồn gốc cũng như mục đích của việc tàng trữ ma túy của các bị cáo. Các kết quả khám nghiệm, kết luận giám định phù hợp với thực tế khách quan của vụ án, làm rõ được hành vi phạm tội của bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị cáo thừa nhận do sợ biên phòng bắt để đưa đi cai nghiện bắt buộc nên khi bị yêu cầu kiểm tra đã bỏ chạy, quá trình bỏ chạy có cởi áo phong và áo khoác vứt lại hiện trường và không thừa nhận số ma túy trong áo khoác là của bị cáo. Tuy nhiên, bản thân bị cáo cũng xác định trước khi bị yêu cầu kiểm tra trên địa bàn chưa có ai bị bắt đi bắt buộc cai nghiện, bản thân bị cáo cũng không nằm trong danh sách cai nghiện bắt buộc nên bị cáo khai lý do bỏ chạy trên là không có căn cứ. Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hiện trường, biên bản nhận dạng, kết luận giám định, lời khai những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định: Bị cáo Lương Văn S đã có hành vi tàng trữ 80,85 gam

heroin, khi đang đi trên đường mòn đoạn thuộc khu vực núi P1, xóm K, xã N, huyện T, tỉnh C thì bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng N đang mật phục, yêu cầu kiểm tra, nhưng bị cáo không chấp hành mà cởi áo khoác chứa ma túy vứt lại hiện trường rồi bỏ chạy thoát sang Trung Quốc. Bị cáo không thừa nhận 80,85 gam heroin thu giữ trong chiếc áo khoác tối màu do bị cáo vứt lại hiện trường là của bị cáo mà cho rằng lý do bị cáo bỏ chạy và trốn sang Trung Quốc 08 năm là do sợ bị bắt đi cai nghiện bắt buộc. Trong khi bị cáo khai nhận thực tế tại địa phương chưa ai bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, bản thân bị cáo cũng mới nghiện ma túy trước đó khoảng 2-3 tháng, cũng chưa bị xử lý hành chính hay đi giáo dục tại địa phương, bị cáo cũng chưa bị lực lượng chức năng nào đưa vào danh sách đi cai nghiện bắt buộc; hơn nữa nơi xảy ra sự việc yêu cầu kiểm tra ở gần nhà bị cáo, khi bị yêu cầu kiểm tra, bị cáo đã chủ động cởi chiếc áo chứa ma túy vứt lại hiện trường và bỏ trốn sang Trung Quốc. Sau khi bị cáo bỏ chạy thoát, Đoàn biên phòng N3 đã báo chính quyền địa phương, Công an huyện T đến hiện trường cùng tiến hành lập biên bản quả tang, thu giữ vật chứng theo quy định. Qua đó đủ cơ sở xác định, bị cáo Lương Văn S đã tàng trữ 80,85 gam heroin, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự, xử phạt Lương Văn S 12 năm tù là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự bác kháng cáo của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn S trình bày: Quá trình điều tra cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh C không trưng cầu giám định trọng lượng ma túy có trong vụ án theo quy định của pháp luật. Việc làm trên của các cơ quan tiến hành tố tụng C đã vi phạm về “Trưng cầu giám định”; thuộc “Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định về Thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ. Trong việc lập Biên bản hiện trường, người làm chứng, về quá trình thu giữ vật chứng, thu thập và đánh giá chứng cứ, về vật chứng ma túy (Heroin) các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh C khẳng định 80,85 gam ma túy thu giữ tại hiện trường là của bị cáo Lương Văn S nhưng lại không có chứng cứ trực tiếp, có liên quan nào chứng minh số ma túy trên là của S.

Biên bản hiện trường và Biên bản bắt người phạm tội quả tang đều xác định sau khi S bỏ chạy khỏi hiện trường, bị cáo đã để lại hiện trường 02 áo khoác, 01 Điện thoại di động. Sau khi S bỏ chạy Bộ đội biên phòng đã bảo vệ hiện trường, điện thoại mời Công an huyện T12 và Công an xã N cử người đến tham gia và cùng kiểm tra hiện trường vụ án có anh L trưởng Công an xã N, anh H Công an viên xóm K và ông T9 người dân xóm K, xã N cùng tham gia kiểm tra hiện trường và chứng kiến sự việc Bộ đội biên phòng thu giữ ma túy. Nhưng trên thực tế anh L, anh H và ông T9 không có mặt hiện trường vụ án.

Không khám nghiệm hiện trường vụ án, vi phạm trong việc vẽ sơ đồ hiện trường. Những người không có mặt tại hiện trường như ông T9; anh H; anh L đều không biết toàn bộ sự việc, nhưng được Cơ quan tố tụng xác định là người làm chứng. Không có Biên bản khám nghiệm hiện trường, hiện trường vụ án chỉ được mô tả tại Biên bản hiện trường do một người không có chức năng nhiệm vụ là ông Đàm Văn V đo vẽ như vậy đã vi phạm quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lời khai còn mâu thuẫn và chưa được làm rõ. Trong hồ sơ vụ án có nhiều bút lục ghi lời khai của Lương Văn T7, Ma Thế T9 có mô tả lại nội dung câu nói bằng tiếng Tày của S: “*ông K ơi trong túi áo rút đi*”, nhưng trong rất nhiều lời khai của ông T9 (K) không có nội dung này vì ông T9 bị đuổi ra khỏi hiện trường ngay tại thời điểm đó, lời khai của bị cáo cũng không được làm rõ có hay không có nội dung này. Vậy cán bộ Biên phòng (ông T7, ông T8) khai nội dung này nhằm mục đích gì. Cơ quan điều tra lấy nội dung này làm căn cứ để buộc ma túy có trong vụ án là của bị cáo. Từ những phân tích trên, thấy những sai sót, vi phạm tố tụng trong việc điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh C là rất nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử Hủy bản án sơ thẩm số 55/2020/HS-ST ngày 24/11/2020 của TAND tỉnh C trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung làm rõ các nội dung cần chứng minh trong vụ án này.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của người bào chữa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

Kháng cáo của bị cáo Lương Văn S trong hạn luật định, nên được xác định là hợp lệ. Vụ án được phát hiện vào ngày 22/3/2012; khởi tố ngày 27-28/4/2012; tạm đình chỉ ngày 24/8/2012; phục hồi điều tra ngày 09/6/2020, nên việc điều tra, thu thập chứng cứ bị gián đoạn, kéo dài cũng như việc áp dụng pháp luật tố tụng gặp nhiều khó khăn. Trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định có một số hoạt động tố tụng ban đầu vi phạm về thủ tục tố tụng. Cụ thể: Việc yêu cầu kiểm tra giấy tờ và đồ vật đối tượng Lương Văn S tại khu vực biên giới thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Bộ đội biên phòng. Lẽ ra, khi phát hiện S có dấu hiệu của tội phạm thể hiện việc chống đối nhằm tiêu hủy vật chứng phạm pháp và chạy thoát khỏi hiện trường thì Tổ công tác phải tổ chức việc bảo vệ, giữ nguyên hiện trường và thực hiện các biện pháp tố tụng quy định tại Điều 150 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Có căn cứ xác định Biên bản bắt

người phạm tội quả tang (BL77) Biên bản hiện trường (BL 57) Sơ đồ hiện trường (BL 65) không phải lập tại hiện trường mà được lập tại Đoàn biên phòng N. Việc Tổ công tác và một số người khác rời khỏi hiện trường mang theo vật chứng về trụ sở xác lập các biên bản tố tụng trên đây là có vi phạm Điều 95 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003. Nếu Tổ công tác lập các Biên bản trên ngay tại hiện trường, thì sẽ không có việc bị cáo S và người bào chữa cho bị cáo S cho rằng nội dung Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản hiện trường; Sơ đồ hiện trường phản ánh không khách quan, trong túi áo khoác của bị cáo không có ma túy.

- Tại thời điểm 15h00' ngày 23/3/2012, thủ tục tố tụng điều tra ban đầu vụ án trên đây đang thuộc thẩm quyền của Đoàn biên phòng N và Bộ đội biên phòng tỉnh C theo quy định tại Điều 111 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003. Việc đưa vật chứng vụ án đến Công an huyện T mở niêm phong "*Tiến hành cân điện tử xác định trọng lượng tịnh là 80,59gam*" sau đó niêm phong vật chứng và đóng dấu của Công an huyện T rồi lại đem về Đoàn biên phòng N quản lý cho đến ngày 24/3/2012 mới bàn giao cho Bộ đội biên phòng tỉnh C (BL 43) là không cần thiết. Tương tự, Biên bản mở niêm phong xác định tang vật vụ án, lấy mẫu và niêm phong lại ngày 04/5/2012 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C (BL 42) cân trọng lượng vật chứng nói trên *cân bằng cân điện tử xác định trọng lượng tịnh là 80,85gam* nhưng thiếu thành phần tham gia của Cơ quan giám định.

- Một số văn bản tố tụng (Bl 05,44) có sự mâu thuẫn và bị sửa chữa về mặt thời gian, nhưng không có ghi chú hoặc đính chính theo quy định. Người không có tên trong Biên bản hiện trường, nhưng lại tham gia vẽ Sơ đồ hiện trường.

- Đây là nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo S và người bào chữa cho bị cáo S cho rằng cần phải hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[2]. Về nội dung:

Trong suốt quá trình tố tụng từ cấp sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lương Văn S; những người trong Tổ công tác của Bộ đội biên phòng đồn N là các ông Lương Văn T7, Ma Thế T9, Lương Văn T9 và người làm chứng Lương Văn Thanh đều công nhận: Khoảng 16h00 ngày 22/3/2012, trong khi đi bộ một mình từ dưới chân lên núi P1 hướng về biên giới, S bị Tổ công tác Bộ đội biên phòng yêu cầu đứng lại để kiểm tra người, nhưng S không chấp hành, dẫn đến việc vật lộn và sau đó S đã chạy thoát, để lại hiện trường 01 chiếc điện thoại; 01 áo phông màu trắng và 01 chiếc áo khoác màu đen đã cũ S đang mặc trên người. Các ông T7 và ông T8, Thủy đều khẳng định khi đi đến gần Tổ công tác và nghe thấy yêu cầu kiểm tra, S đã cởi bỏ áo khoác đang mặc vứt xuống đất rồi bỏ chạy nên bị ông T7 và Thuận lao vào khống chế. Trong khi vật lộn, nhìn thấy ông T9 đi đến, bị cáo có nói tiếng dân tộc: "*Ông k ơi trong túi áo vứt đi*". Sau

khi bị cáo chạy thoát, Tổ công tác phát hiện trong túi áo khoác của bị cáo để lại có một gói bọc hai lớp nilon đựng một số cục chất bột màu trắng nghi là ma túy. Bị cáo Lương Văn S không thừa nhận gói bọc hai lớp nilon đựng một số cục chất bột màu trắng nghi ma túy là của mình.

Để làm rõ kháng cáo của bị cáo Lương Văn S có bị oan hay không oan, vấn đề đặt ra là số ma túy bị phát hiện, thu giữ trong túi áo khoác của S tại hiện trường có phải của bị cáo không? và những vi phạm tố tụng nêu trên có làm thay đổi bản chất của vụ án, cũng như bản chất hành vi của bị cáo S hay không? Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đi sâu phân tích, đánh giá đầy đủ các tình tiết vụ án trong mối quan hệ biện chứng, logic với nhau, từ đó xác định rõ bản chất hành vi khách quan và ý thức chủ quan của bị cáo S trong cấu thành tội phạm. Cụ thể:

[2.1]. Xét về mặt khách quan:

- Tài liệu và văn bản của Ban chỉ huy đồn biên phòng N thể hiện ngày 22/3/2012 có cử Tổ công tác gồm các ông Lương Văn T7, Ma Thế T9, Lương Văn T9 đi làm nhiệm vụ tại khu vực hiện trường. Đây là chứng cứ xác định Tổ công tác có tư cách và thẩm quyền yêu cầu kiểm tra hành chính đối với bị cáo Lương Văn S. Biên bản nhận dạng (BL 129, 131, 139, 142) và lời khai của bị cáo S xác định chiếc áo khoác để tại hiện trường là của mình. Tài liệu và lời khai của các ông M (BL 206-209), H (BL 210 -213), L (218-222) đều xác nhận Tổ công tác có điện thoại mời đến hiện trường vụ án, ông M và ông H có đi đến hiện trường, còn ông L có đi đến chân núi P1 thì thấy Tổ công tác cùng với ông M và ông H đi xuống. Đây là chứng cứ xác định ngay sau khi sự việc xảy ra, Tổ công tác có báo cáo chỉ huy và có mời Công an huyện T, Công an xã N đến cùng bảo vệ hiện trường. Thực tế sau khi ông M và ông H đã có mặt, mọi người mới rời khỏi hiện trường đi về đồn biên phòng N lập biên bản. Mặc dù địa điểm lập biên bản không tại hiện trường, nhưng việc các ông M, ông H, ông L liên tục cùng đi với Tổ công tác từ hiện trường về đồn N lập biên bản là chứng cứ chứng minh không thể có người khác cho ma túy vào túi áo khoác của S để lại hiện trường. Do vậy, tuy có vi phạm tố tụng về địa điểm xác lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 77), Biên bản hiện trường (BL 53); Sơ đồ hiện trường (BL 65) như phân tích trên có sự tham gia đầy đủ của các thành phần khi xác lập văn bản tố tụng đã không làm mất đi tính khách quan của sự việc.

- Tài liệu thực nghiệm điều tra có sự tham gia của bị cáo Lương Văn S, người làm chứng Lương Minh T4, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C, đại diện chính quyền địa phương và những người tiến hành tố tụng được coi là chứng cứ xác định diễn biến sự việc, mô tả dấu vết vật chứng có tại hiện trường vụ án một cách khách quan. Đó là:

+ Bị cáo S khai không thống nhất lúc thì đi chăn trâu (BL 166, 168, 172)

lúc thì đi chăn bò (BL 176) lúc thì đi một mình (BL 180) nên nội dung những lời khai này của S đều không đủ độ tin cậy. Có cơ sở xác định tại thời điểm S bị kiểm tra ngoài ông T9 ra, không có trâu bò của ai chăn thả xung quanh khu vực hiện trường. Lời khai của bị cáo S, các ông T7, T8, T9 và kết quả thực nghiệm hiện trường (BL136) đều xác định vị trí số 1 là đường mòn S đi từ đường cái lên núi P1; vị trí số 3 là vị trí S bị yêu cầu kiểm tra hành chính, hướng đi từ vị trí số 1 đến số 3 đã xác định hướng di chuyển của S từ đường cái lên núi P1 (đường biên giới) là có chủ định từ trước, không phải S đi tìm trâu. Nếu S đi tìm trâu thực sự không bao giờ đi thẳng một hướng được 2/3 quãng đường lên biên giới, S phải đi ngang sườn núi, đi vào các khu vực khác nhau nằm ngoài phạm vi lối mòn.

- Vị trí số 3 là vị trí chiếc áo khoác nằm dưới đất và cũng là vị trí ông T7 và ông T8 đi từ vị trí số 2 ra yêu cầu kiểm tra. Như vậy, có cơ sở xác định ngay khi bị yêu cầu S đã cởi áo khoác vứt xuống đất, chứ không phải đợi đến khi ông T7 và ông T8 lao đến khống chế S làm chiếc áo khoác bị tuột ra rơi xuống đất. Thực tế, không bao giờ chiếc áo khoác S đang mặc trên người hai tay vẫn đang nằm trong ống tay áo bị ông T7 và ông T8 ôm chặt người mà áo có thể tuột ra khỏi người S được.

- Vị trí số 4 là vị trí chiếc áo phong trắng nằm dưới đất cách vị trí 3 khoảng 5m theo hướng dốc xuống phía dưới phản ánh rõ việc S không chấp hành yêu cầu kiểm tra bỏ chạy xuống phía dưới chân đèo bị ông T7, ông T8 đuổi theo túm vào phía sau làm tuột chiếc áo phong của S. S tiếp tục chạy đến vị trí số 5 thì bị quật ngã và vật lộn với ông T7 và ông T8.

- Vị trí số 6 cách vị trí 5 khoảng 10m về bên phải là vị trí ông Lương Minh T4 nhìn thấy 3 người đang vật lộn và chạy đến vị trí số 5 nhặt chiếc áo phong lên thì bị ông T8 chạy đến giằng lại. Vị trí số 7 cách vị trí số 5 khoảng 7m là vị trí S vùng ra khỏi ông T7 và chạy thoát xuống núi.

Với phân tích trên đây, có căn cứ xác định hành vi thực nghiệm điều tra của bị cáo S phù hợp với nội dung Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản hiện trường, Sơ đồ hiện trường. Tuy có một số vi phạm tổ tụng và có đến 02 kết quả cân trọng lượng ma túy khác nhau, nhưng cả hai lần mở và đóng niêm phong vật chứng đều có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nên loại trừ khả năng vật chứng được bỏ thêm vào hay lấy bớt đi. Mặt khác, lần mở niêm phong xác định trọng lượng và lấy mẫu giám định ngày 04/5/2012 của chính Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra vụ án để thực hiện trưng cầu giám định có giá trị pháp lý và kết quả cân điện tử xác định trọng lượng vật chứng thu giữ 80,85gam là có cơ sở. Các Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C và Viện khoa học hình sự Bộ Công an (BL 19) xác định số ma túy trong túi áo

khoác của Lương Văn S là heroin.

Người làm chứng Lương Văn Thanh khai: “Tôi bước tiếp lên trên dốc thì nhìn thấy 01 chiếc áo màu trắng. Tôi có nhặt chiếc áo trắng lên thì có một anh cán bộ thuộc đồn biên phòng chạy đến giật lấy chiếc áo và bảo tôi đi ra ngoài”. Lời khai của ông T9 hoàn toàn phù hợp với diễn biến sự việc xảy ra, đặc biệt việc ông T9 chạy đến cầm chiếc áo của bị cáo S đang vút ở dưới đất là do xuất phát từ câu nói của S khi nhìn thấy ông T9: “Ông ké ơi trong túi áo vút đi”. Đây là chứng cứ khách quan xác định bên trong túi áo khoác của S (áo phong không có túi) có chứa vật phạm pháp.

[2.2]. Xét về mặt chủ quan:

Bị cáo Lương Văn S khai do sợ bị bắt đi cai nghiện nên đã bỏ chạy khi bị yêu cầu kiểm tra là không có cơ sở bởi lẽ: S không có trong danh sách những người nghiện ma túy cần phải đưa đi cai nghiện. Việc quản lý người cai nghiện trong cộng đồng không thuộc trách nhiệm của Bộ đội biên phòng. Vị trí S bị yêu cầu kiểm tra cách xa nơi ở của S, nhưng lại gần khu vực đường biên giới thuộc địa bàn Bộ đội biên phòng quản lý không cho người xuất nhập cảnh trái phép.

- Bản thân S biết rõ trong túi áo khoác mình đang mặc có ma túy, nên khi nghe tiếng hô đứng lại yêu cầu cho kiểm tra thì S đã chủ động cởi áo khoác vút xuống đất nhằm tiêu hủy vật chứng phạm pháp, trước khi tháo chạy.

- Vì S và ông T9 có quan hệ thông gia và Thuần là con ông T9, nên S đã nhờ ông T9 vút hộ ma túy trong túi áo và Thuần có chở S giúp thoát khỏi sự truy đuổi của Tổ công tác. Chính vì vậy Thuần khai không chở S và ông T9 không nhìn thấy ma túy trong áo S là dễ hiểu bởi có mối quan hệ như đã nêu ở trên.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định hành vi tàng trữ trái phép 80,85gam heroin của Lương Văn S hồi 16h00’ ngày 22/3/2012 tại khu vực chân núi P1, xã N, huyện T, tỉnh C đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm. Tuy nhiên do chính sách hình sự thay đổi nên hành vi trên đây của bị cáo Lương Văn S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 10 năm đến 15 năm như Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội không oan.

[4]. Đối với yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại của người bào chữa cho bị cáo Lương Văn S, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định tuy quá trình điều tra ban đầu có một số vi phạm về thủ tục tố tụng, nhưng những vi phạm tố tụng này không làm thay đổi bản chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn S nên không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm số 55/2020/HS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

[5]. Tại cấp phúc thẩm bị cáo kêu oan và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, mặc dù không chấp nhận yêu cầu trên của bị cáo, nhưng Hội đồng xét xử cũng vẫn xem xét xem có tình tiết nào mới để làm căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lương Văn S hay không. Tuy nhiên, bị cáo cũng như người bào chữa cho bị cáo không xuất trình thêm được tình tiết nào mới, do đó cần giữ nguyên mức hình phạt 12 năm tù đối với Lương Văn S như tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

Vì những lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn S, giữ nguyên quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2020/HS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh C, cụ thể:

- Tuyên bố bị cáo Lương Văn S phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*.
- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lương Văn S 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam 06/6/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Lương Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm được công bố công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Công an tỉnh C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh C;
- Cơ quan THAHS tỉnh C;
- Cục THA dân sự tỉnh C;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu: HS; PHC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng